

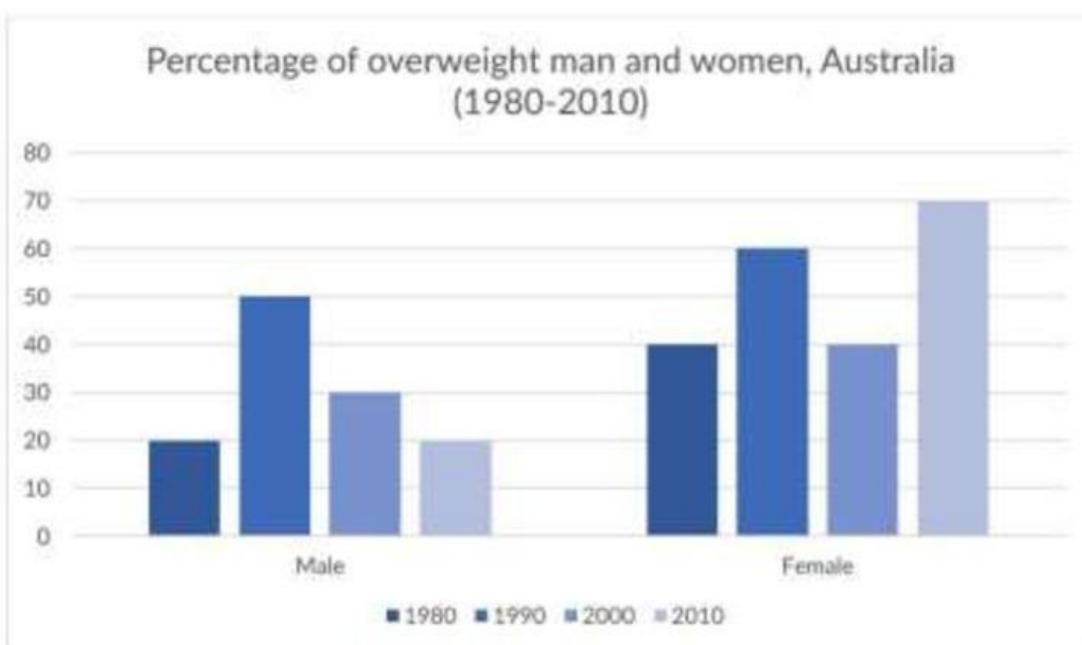
Lesson  
**4.2**

# Các dạng biểu đồ theo xu hướng khác

## 1. Dạng biểu đồ cột (Bar Chart)

Phân tích ví dụ sau

*The chart gives information about the percentage of overweight men and women in Australia from 1980 to 2010.*



### Bước 1: Phân tích tổng quát

- Đối tượng (chủ thể) của biểu đồ là gì?

*The percentage of overweight men and women in Australia*

- Đơn vị là gì?

*Phần trăm (%)*

- Có mốc hay khoảng thời gian không? Thị của động từ?

*Khoảng thời gian được đưa ra là vào năm 1980-2010, nên chúng ta sẽ dùng thì quá khứ đơn.*

### Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

**Đoạn tổng quan:**

- Đặc điểm về xu hướng: Phần trăm người thừa cân (cả nam và nữ) đều tăng.
- Đặc điểm về độ lớn: Số lượng nam thừa cân nhiều hơn cho với nữ.

## Thân bài

Đoạn 1: Miêu tả & so sánh số liệu năm 1980, sau đó miêu tả và so sánh xu hướng cho tới năm 2000.

Đoạn 2: Miêu tả và so sánh xu hướng giai đoạn còn lại và số liệu năm cuối.

### Bước 3: Hoàn thiện bài viết

The bar chart illustrates the rate of overweight adults in Australia, at the start of each decade, beginning in 1980.

Overall, it is clear that the percentage of overweight males was significantly higher than females in each year. Additionally, the rate of both men and women who were overweight rose over the research period.

In 1980, just under 50% of Australian men were overweight, compared to only about one third of females, which were the lowest figures for each gender during the research period. Over the next 20 years, the rates of overweight male and female citizens in Australia both saw significant increases, with the figure for men reaching a peak of almost 70% in 2000.

From 2000 to 2010, slightly fewer men were overweight, as illustrated by a decline of roughly 3% in 2010, whereas the figure for women remained unchanged, with exactly half of Australian women being overweight in the final year.

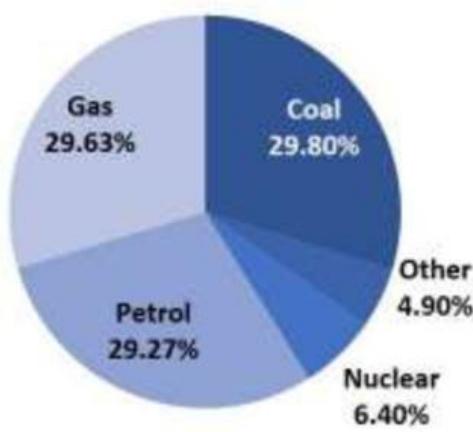
## 2. Dạng biểu đồ tròn (Pie chart)

Phân tích ví dụ sau

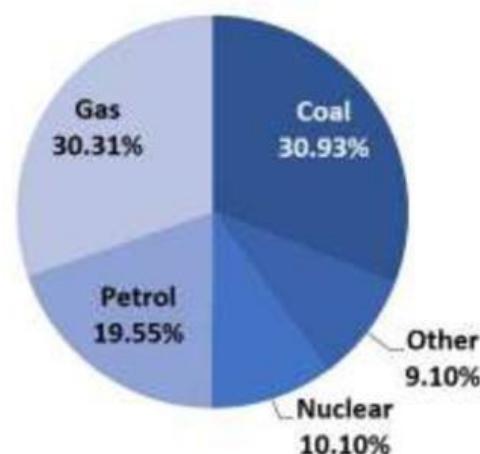
The pie charts below show the comparison of different kinds of energy production in France in two years.

Comparison of Energy Production

1995



2005



Bước 1: Phân tích tổng quát

• Đối tượng (chủ thể) của biểu đồ là gì?

Tỉ lệ năng lượng được sản xuất từ than (coal), gas và xăng (petrol),... = The proportion of energy produced by coal/gas/petrol

• Đơn vị là gì?

Đơn vị phần trăm: percent (%)

• Có mốc hay khoảng thời gian không? Thị của động từ?

Khoảng thời gian từ 1995 đến 2005 → chia thị quá khứ

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

Bước 2.1: Mở bài – Viết lại mở bài

The pie charts below show the comparison of different kinds of energy production in France in two years.

→ **Mở bài hoàn chỉnh:** The charts compare the proportion of energy produced by different sources in France in 1995 and 2005.

## Bước 2.2: Lựa chọn thông tin và viết đoạn tổng quan

Tương tự những dạng biểu đồ theo xu hướng khác, phần Overview sẽ viết theo 2 đặc điểm tổng quan về xu hướng và về độ lớn.

- **Đặc điểm về xu hướng:** Tỉ lệ năng lượng sản xuất bởi Coal, Gas, Nuclear và Other tăng, còn số liệu cho Petrol giảm.
- **Đặc điểm về độ lớn:** Coal và Gas là 2 nguồn sản xuất năng lượng chính ở cả 2 năm.

→ **Đoạn tổng quan hoàn chỉnh:** *It is clear that the proportion of energy generated by petrol decreased over the period, while the figures for the other energy sources had the opposite trend. In addition, coal and gas were the most significant sources of energy in both years.*

## Bước 2.3: Lựa chọn, nhóm thông tin và viết 2 đoạn thân bài

Với dạng này, chúng ta có thể chia 2 body theo 2 cách sau:

- **Cách 1: Chia theo năm**
- **Cách 2: Chia theo đối tượng**

### Cách 1: Chia thông tin theo năm

**Thân bài 1: so sánh các đối tượng ở năm 1995** (lần lượt nhắc đến số liệu từ lớn đến bé – Lưu ý: nếu có đối tượng là "other" thì kể cả số liệu lớn hay nhỏ cũng nên nhắc đến sau cùng)

- Tỉ lệ năng lượng được tạo ra bởi Coal là lớn nhất (29.8%), số liệu cho Gas và Petrol thấp hơn 1 chút.
- Nuclear chỉ sản xuất 6.4% trong tổng số năng lượng, số liệu cho other sources thấp nhất.

→ **Đoạn thân bài 1 hoàn chỉnh:** *In 1995, energy produced by coal accounted for the highest proportion, at 29.80% of the total energy production in France. The figures for gas and petrol were slightly lower, at 29.63% and 29.27% respectively. Meanwhile, only 6.40% of the total energy was generated by nuclear and the lowest figure can be seen in the percentage of energy produced by other sources, at nearly 5%.*

**Thân bài 2: so sánh xu hướng các đối tượng đến năm 2005**

- Tỉ lệ năng lượng được tạo ra bởi Coal tăng nhẹ và duy trì con số lớn nhất (30.93%).
- Số liệu cho Gas tăng, ngược lại số liệu cho Petrol giảm mạnh.
- Hai nhóm còn lại là Nuclear và Other đều tăng đáng kể.

→ **Đoạn thân bài 2 hoàn chỉnh:** In 2005, the percentage of energy from coal rose slightly and remained the highest figure in the chart, at 30.93%. The figure for gas increased to 30.31%, while that of petrol experienced a dramatic fall of nearly 10%. There were sharp increases to 10.10% and 9.10% in the figures for nuclear and other sources respectively.

## Bài mẫu

(Toàn bộ bài viết theo cách 1 – 2 mốc thời gian)

The charts compare the proportion of energy produced by different sources in France in 1995 and 2005.

It is clear that the proportion of energy generated by petrol decreased over the period, while the figures for the other energy sources had the opposite trend. In addition, coal and gas were the most significant sources of energy in both years.

In 1995, energy produced by coal accounted for the highest proportion, at 29.80% of the total energy production in France. The figures for gas and petrol were slightly lower, at 29.63% and 29.27% respectively. Meanwhile, only 6.40% of the total energy was generated by nuclear and the lowest figure can be seen in the percentage of energy produced by other sources, at nearly 5%.

In 2005, the percentage of energy from coal rose slightly and remained the highest figure in the chart, at 30.93%. The figure for gas increased to 30.31%, while that of petrol experienced a dramatic fall of nearly 10%. There were sharp increases to 10.10% and 9.10% in the figures for nuclear and other sources respectively.

## Cách 2: Chia thông tin theo đối tượng

**Thân bài 1: So sánh 2 nhóm Coal và Gas (2 nhóm có số liệu lớn nhất, cùng tăng)**

- Tỉ lệ năng lượng được tạo ra bởi Coal là cao nhất (29.8%) vào năm 1995 và số liệu này tăng rất nhỏ sau 10 năm
- Tương tự: số liệu cho Gas là 29.63% và tăng rất ít cho đến 2005.

→ **Đoạn thân bài 1 hoàn chỉnh:** In 1995, energy produced from coal accounted for the highest proportion, at 29.80% of the total energy production in France and this figure experienced a slight increase of just over 1% to 30.9% in 2005. Similarly, in the first year, gas was responsible for generating 29.63% of energy, which rose marginally to 30.1% ten years later.

## Thân bài 2: Các nhóm còn lại

- Tỉ lệ năng lượng tạo ra bởi Nuclear và Other tăng thêm khoảng 5%
- Ngược lại số liệu cho Petrol giảm xuống còn 19.55%

→ **Đoạn thân bài 2 hoàn chỉnh:** *Regarding the remaining sources of energy, the proportion of energy production from nuclear power and other sources grew by approximately 5%, to just over 10% and 9% respectively. Petrol, in contrast, experienced a decrease in its figure, from 29.27% in 1995 to around a fifth in 2005.*

### Bài mẫu

(Toàn bộ bài viết theo cách số 2 – theo nhóm đối tượng)

The charts compare the proportion of energy produced by different sources in France in 1995 and 2005.

It is clear that the proportion of energy generated by petrol decreased over the period, while the figures for the other energy sources had the opposite trend. In addition, coal and gas were the most significant sources of energy in both years.

In 1995, energy produced from coal accounted for the highest proportion, at 29.80% of the total energy production in France, and this figure experienced a slight increase of just over 1% to 30.9% in 2005. Similarly, in the first year, gas was responsible for generating 29.63% of energy, which rose marginally to 30.1% ten years later.

Regarding the remaining sources of energy, the proportion of energy production from nuclear power and other sources grew by approximately 5%, to just over 10% and 9% respectively. Petrol, in contrast, experienced a decrease in its figure, from 29.27% in 1995 to around a fifth in 2005.

### 3. Bảng số liệu (Table)

Dạng bài này được viết tương tự dạng biểu đồ đường

Phân tích ví dụ sau.

The table below shows the number of cars made in Argentina, Australia and Thailand from 2003 to 2009.

|           | 2003    | 2005      | 2009    |
|-----------|---------|-----------|---------|
| Argentina | 235,008 | 352,759   | 466,089 |
| Australia | 452,163 | 341,268   | 245,624 |
| Thailand  | 735,852 | 1,162,356 | 999,963 |

#### Bước 1: Phân tích tổng quát

- Đối tượng (chủ ngữ) của biểu đồ là gì?

Số lượng xe ô tô sản xuất tại ba nước khác nhau.

- Đơn vị là gì?

Đơn vị được tính là nghìn xe.

- Có mốc hay khoảng thời gian không? Thị của động từ?

Khoảng thời gian trong 6 năm bắt đầu từ năm 2003. Vậy nên chúng ta sẽ dùng thì "quá khứ đơn" xuyên suốt cả bài.

#### Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

##### Bước 2.1: Mở bài - Viết lại đề bài

##### Bước 2.2: Xác định ý và viết đoạn tổng quan:

- Đặc điểm về xu hướng: số lượng xe ở Thái Lan và Argentina tăng, Australia giảm.
- Đặc điểm về độ lớn: Thailand sản xuất nhiều nhất ô tô trong khoảng thời gian này.

##### Bước 2.3: Lựa chọn, nhóm thông tin và viết 2 đoạn Detail (10 phút)

###### Thân bài 1: Năm đầu tiên

Phân tích:

- Trong năm 2000, 735,852 cars được sản xuất tại Thái Lan, nhiều hơn so với Australia với khoảng 450,000 xe. Số liệu cho Argentina, chỉ bằng 1/3 số liệu cho Thái Lan và bằng một

nửa số liệu của Australia với 235,088 xe.

#### **Thân bài 2: Xu hướng thay đổi, so sánh số liệu điểm cuối.**

- Thailand vẫn giữ vị trí số 1. Số lượng ô tô sản xuất tăng mạnh đến 1,162,356 vào năm 2005 trước khi giảm xuống khoảng 1 triệu vào năm 2009.
- Cũng như vậy, số lượng xe ở Argentina tăng trong cả quá trình lên tới 466,089 xe, - trở thành nhà sản xuất xe lớn nhất.
- Số liệu cho Australia, trải nhiệm xu hướng giảm trong cả quá trình, xuống dưới 250,000 xe vào cuối năm

#### **Bước 3: Hoàn thiện bài viết**

The table provides information about car production in three different countries over a period of 6 years, starting from 2003.

It is clear that Thailand produced the largest number of cars over the period. Also, while the number of cars manufactured in Thailand and Argentina increased, the opposite was true for Australia.

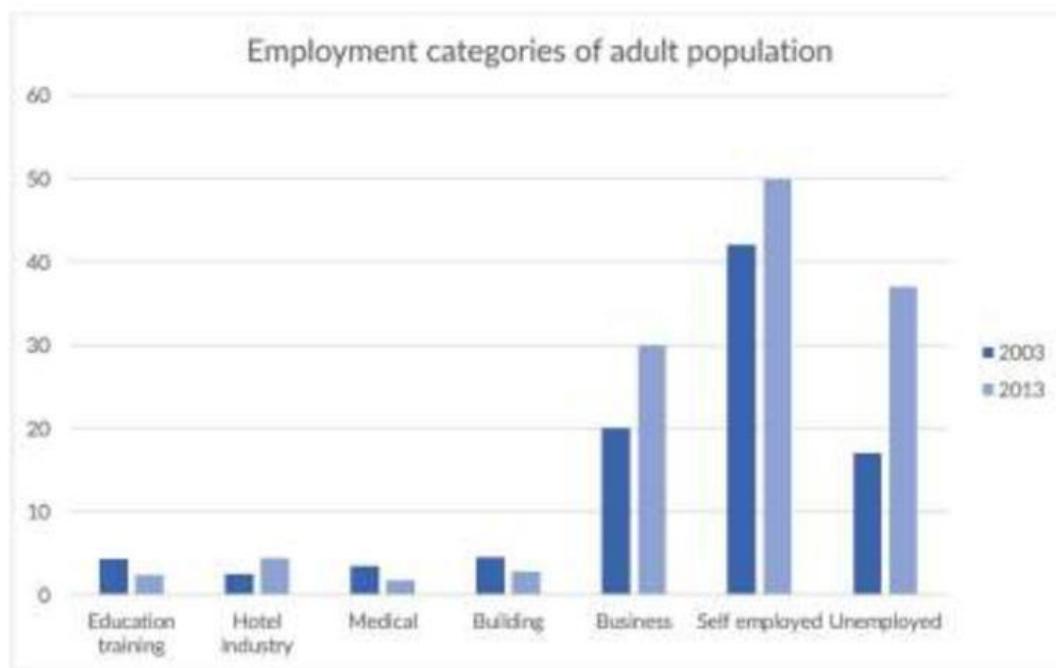
In 2003, 735852 cars were produced in Thailand, significantly more than in the Australia, with just over 450000 cars. The figure for Argentina, however, was only about a third of the figure for Thailand and half that of Australia, at 235088.

Over the following six years, Thailand was still in the highest position in car manufacturing among the three countries. Their car production soared to 1162356 cars in 2005 before dropping to approximately 1000000 in 2009. Likewise, the number of cars manufactured in Argentina increased throughout the period to 466089 cars, which made them become the second biggest car manufacturer in the last year. The figure for Australia, however, experienced a downward trend over the period, decreasing to just under 250000 cars by the end of the period.

# Practice

## Bài 1

*The chart shows the employment status of adults in the US in 2003 and 2013*



### Bước 1: Phân tích tổng quát

### Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

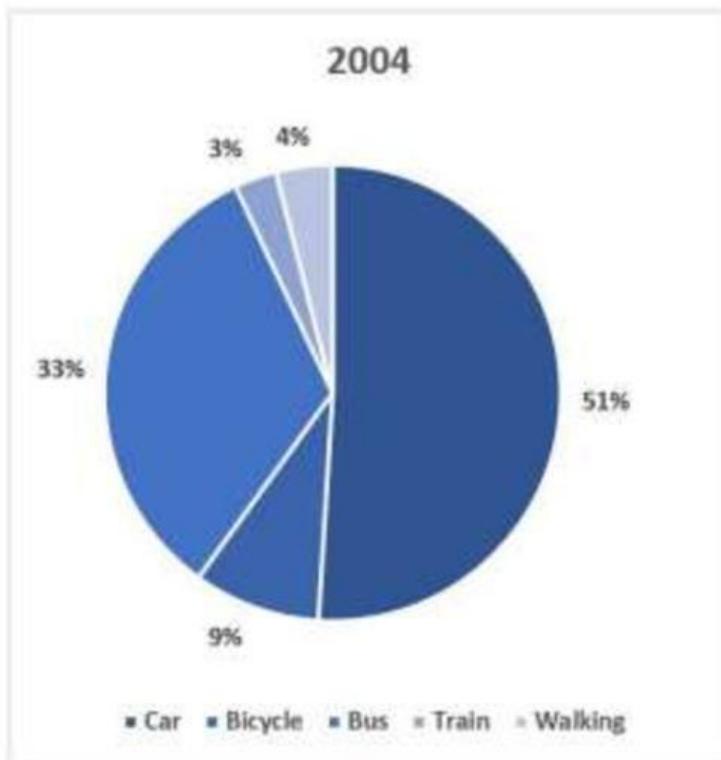
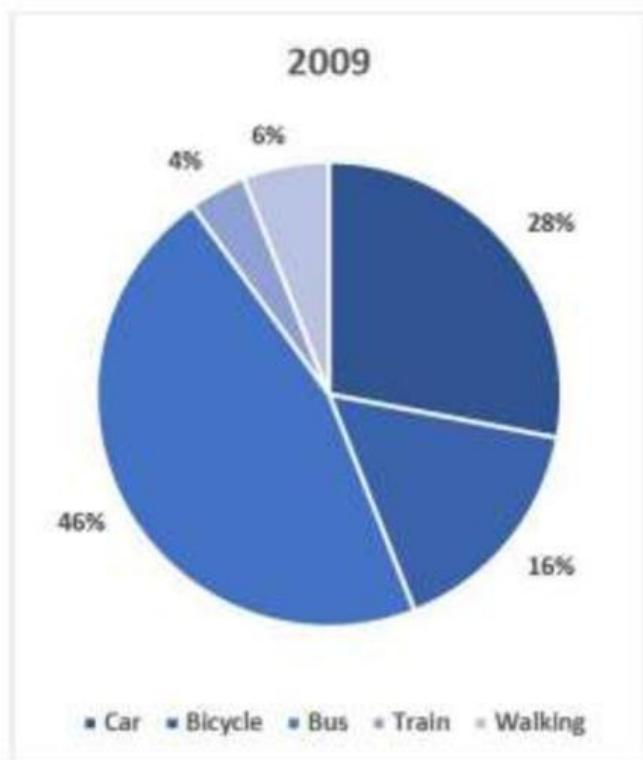
- Đoạn tổng quan:

- Thân bài:

### Bước 3: Hoàn thiện bài viết

## Bài 2

The charts show the main methods of transport of people travelling to one university in 2004 and 2009.



\* car parking charges in the university 2006

\*\* new bus stop in the university in 2008

### Bước 1: Phân tích tổng quát

---

---

### Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

- Đoạn tổng quan:

---

---

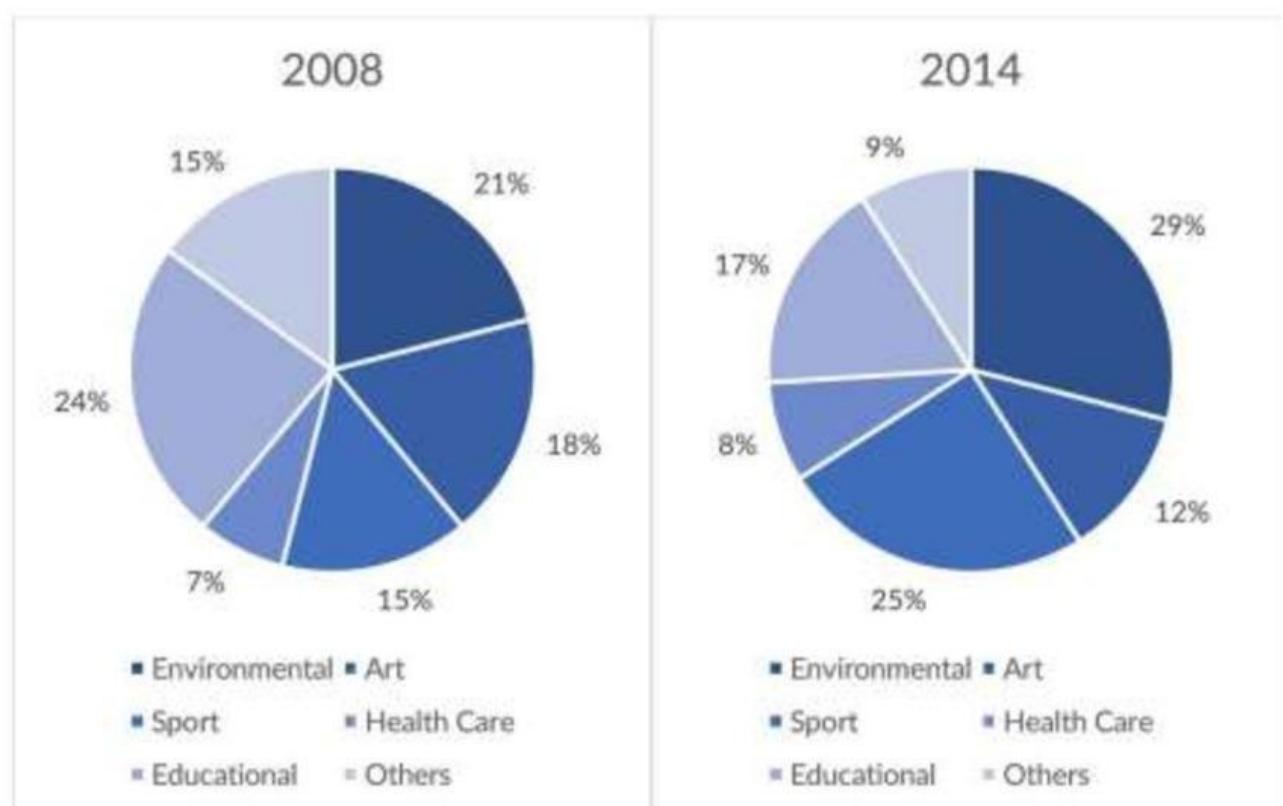
- Thân bài:

---

---

### Bước 3: Hoàn thiện bài viết

The charts below show the percentage of volunteers by organizations in 2008 and 2014.



### Bước 1: Phân tích tổng quát

### Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

- Đoạn tổng quan:

- Thân bài:

### Bước 3: Hoàn thiện bài viết

The table below presents the food consumption per a person weekly in a European country in 1992, 2002 and 2012.

| Food               | 1992 | 2002 | 2012 |
|--------------------|------|------|------|
| Vegetables (grams) | 2140 | 2190 | 2220 |
| Meat               | 1148 | 1211 | 1132 |
| Wheat              | 837  | 920  | 977  |
| Bean               | 532  | 546  | 590  |
| Cheese             | 113  | 125  | 125  |

Bước 1: Phân tích tổng quát

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

- Đoạn tổng quan:

- Thân bài:

Bước 3: Hoàn thiện bài viết